

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/01/2023

Về việc: “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Phương Lan
2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký ghi biên bản: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ: không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thúy H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp HQ, xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Danh Th, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố CS, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn, bà Trịnh Thúy H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Danh Th quen biết và chung sống với nhau từ năm 2003, không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 01 người con chung tên Danh Hoàng Th, sinh ngày 17/02/2005.

Về mâu thuẫn gia đình: Ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay xảy ra cự cãi, bất hòa trong gia đình nên hai bên sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H cho rằng bà và ông Th chỉ chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn, nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HĐ giải quyết những nội dung sau đây:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Danh Th.

- Về con chung: Bà H đồng ý giao con chung cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, bà sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy theo khả năng của mình.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Danh Th:* Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được thông báo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phía ông Danh Th cũng đã được biết về việc tham gia tố tụng của mình, nhưng ông vẫn không có mặt theo các Thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung yêu cầu xin ly hôn của bà H, nên không có lời khai của ông Danh Th tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về *quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Trịnh Thúy H có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Danh Th. Phía bị đơn cư trú tại Khu phố CS, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Danh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Thúy H và ông Danh Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng lại không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng nên ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Th không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hằng và ông Thê.

[4]. Về con chung: Ông bà sinh được một người con chung tên Danh Hoàng Th, sinh ngày 17/02/2005. Bà H đồng ý giao con chung cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ sau khi bà H và ông Th ly thân năm 2014 đến nay, cháu Th do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, đến nay đã có cuộc sống ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và nguyện vọng của cháu, HĐXX nghị nên tiếp tục giao cháu Th cho ông Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Th không có yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông Th, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thúy H.

[6]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 8, 9, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Thúy H và ông Danh Th.

2. Về con chung: Giao cho ông Danh Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Danh Hoàng Th, sinh ngày 17/02/2005 đến khi con tới tuổi trưởng thành.

Trong thời gian ông Danh Th nuôi dưỡng con chung, bà H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông Th, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Trịnh Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0008131 ngày 19 tháng 10 năm 2022. Bà H không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Danh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Cúc